

EY

Building a better
working world

**Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 47

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 vào ngày 11 tháng 7 năm 2016. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Ông Trần Đăng Lợi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Thái	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 60999244/18489728-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone và công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và công ty con"), được lập ngày 5 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



EY

Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.954.078.131.635	2.010.925.147.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	407.287.779.041	295.395.072.292
111	1. Tiền		401.287.779.041	140.395.072.292
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	155.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	6.153.333.333
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	6.153.333.333
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		486.002.861.859	496.457.054.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	466.406.827.045	478.153.302.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.556.266.492	17.606.902.913
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	29	50.129.329	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.304.017.929	4.909.908.094
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(4.314.378.936)	(4.213.058.152)
140	IV. Hàng tồn kho	8	994.067.307.524	1.122.033.575.196
141	1. Hàng tồn kho		1.021.552.622.233	1.155.791.173.210
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(27.485.314.709)	(33.757.598.014)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		66.720.183.211	90.886.111.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.343.148.638	2.838.769.757
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		65.377.034.573	88.047.341.826

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		788.857.954.443	770.555.114.830
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Các khoản phải thu dài hạn khác	7	30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		564.960.518.786	597.265.777.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	549.084.497.108	580.229.244.316
222	Nguyên giá		1.160.640.543.600	1.159.584.234.054
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(611.556.046.492)	(579.354.989.738)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	15.876.021.678	17.036.533.023
228	Nguyên giá		25.593.215.497	25.633.815.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.717.193.819)	(8.597.282.474)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		173.100.481.894	123.070.832.393
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	173.100.481.894	123.070.832.393
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	36.349.359.662	35.207.382.225
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		36.349.359.662	35.207.382.225
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.417.594.101	14.981.122.873
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.394.555.551	14.979.003.930
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	27.2	23.038.550	2.118.943
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.742.936.086.078	2.781.480.262.114

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

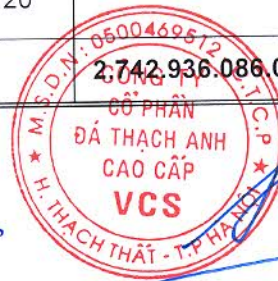
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.553.680.730.099	1.782.888.942.313
310	I. Nợ ngắn hạn		1.254.817.842.791	1.457.948.384.373
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	100.637.676.835	133.278.910.693
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		9.586.595.186	13.800.672.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	33.884.842.455	35.331.004.459
314	4. Phải trả người lao động		890.679.251	691.784.553
318	6. Doanh thu chưa thực hiện		153.590.330	14.126.287
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	455.241.817	85.424.252.886
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.085.990.107.489	1.178.560.448.863
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	23.219.109.428	10.847.183.801
330	II. Nợ dài hạn		298.862.887.308	324.940.557.940
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		298.226.587.557	324.227.719.567
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		636.299.751	712.838.373
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.189.255.355.979	998.591.319.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.189.255.355.979	998.591.319.801
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		529.992.510.000	529.992.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		529.992.510.000	529.992.510.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	322.060.800.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(369.627.974.515)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		63.356.329.316	87.620.177.441
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		595.845.716.663	428.316.803.594
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		383.062.186.126	205.715.882.542
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		212.783.530.537	222.600.921.052
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	-	229.003.281
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.742.936.086.078	2.781.480.262.114



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga





Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	22.1	1.453.200.279.026	1.166.023.023.470
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	22.1	1.453.200.279.026	1.166.023.023.470
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.018.033.185.009	831.307.625.916
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10 - 11)		435.167.094.017	334.715.397.554
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	14.908.610.209	14.502.341.182
22	7. Chi phí tài chính	24	29.919.754.897	87.068.049.199
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.773.502.839	44.530.156.643
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12	1.641.869.973	1.595.566.886
25	9. Chi phí bán hàng	25	37.909.731.017	35.159.420.673
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24.914.106.268	27.342.421.083
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26))		358.973.982.017	201.243.414.667
31	12. Thu nhập khác		397.343.047	800.531.025
32	13. Chi phí khác		29.319.340	8.678.211.477
40	14. Lãi/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)		368.023.707	(7.877.680.452)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		359.342.005.724	193.365.734.215
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	61.780.492.794	35.864.641.346
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(20.919.607)	(4.101.398)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51 - 52)		297.582.432.537	157.505.194.267
61	18.1. Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		297.582.432.537	157.505.194.267
62	18.2. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	20	-	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	6.287	3.402
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	6.287	3.402



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03a-DN/HN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		359.342.005.724	193.365.734.215
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		33.285.029.477	34.458.453.476
03	Điều chỉnh giảm các khoản dự phòng		(6.170.962.521)	(4.611.870.291)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.685.911.285)	29.756.083.103
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.814.650.424)	(10.471.059.235)
06	Chi phí lãi vay	24	26.773.502.839	44.530.156.643
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		405.729.013.810	287.027.497.911
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		40.035.157.743	(30.598.432.809)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		134.238.550.977	(116.940.565.025)
11	Tăng các khoản phải trả		(38.061.371.262)	(18.965.766.733)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.562.679.502)	4.000.457.658
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.773.502.839)	(44.530.156.643)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.1	(56.654.561.772)	(32.067.579.235)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.104.639.733)	(11.331.902.365)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		446.845.967.422	36.593.552.759
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(72.731.759.136)	(41.270.895.687)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(161.150.483)	(9.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		6.314.483.816	306.923.811.796
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.090.698.130	8.585.780.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.379.447.117	1.069.425.894
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(55.108.280.556)	266.308.122.003

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B03a-DN/HN

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		4.642.749.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		806.628.487.473	901.620.004.671
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(921.084.189.199)	(853.424.884.574)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(169.539.895.500)	(169.065.180.475)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(279.352.848.226)	(120.870.060.378)
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		112.384.838.640	182.031.614.384
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		295.395.072.292	77.338.056.411
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(492.131.891)	310.536.827
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	407.287.779.041	259.680.207.622



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga





Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 vào ngày 11 tháng 7 năm 2016. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh này, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicostone thành Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 590 (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 585 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Trong kỳ, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200384937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp ngày 14 tháng 7 năm 2009, với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng Việt Nam. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại xã Hải Xuân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản; sản xuất mua bán vật liệu xây dựng.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng số 1906/2015/VCS - HKG để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với tổng giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Trong năm 2015, căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng này, Công ty đã nhận được khoản tạm ứng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang với số tiền là 8.585.780.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Khang đã ký Biên bản Thỏa thuận không thực hiện và chấm dứt Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần ngày 25 tháng 3 năm 2016. Công ty đã tiến hành hoàn trả lại khoản tạm ứng đã nhận trong năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa công ty mẹ và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và không phân bổ dần lợi thế thương mại. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng niên độ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Lợi nhuận chưa thực hiện tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính của hàng hóa mà các công ty liên kết mua/bán với Công ty và công ty con được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và công ty con.
- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.
- ▶ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ
Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON TRONG KỲ

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị - công ty con của Công ty

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2016, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/VCS-NVD để chuyển nhượng toàn bộ 1.717.156 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị cho ông Nguyễn Văn Dũng với giá chuyển nhượng là 17.171.560.000 đồng. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, các thủ tục pháp lý liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này đã được hoàn thành và do đó, kể từ ngày này, Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị không còn là công ty con của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	7.879.711.219	236.226.806
Tiền gửi ngân hàng	393.408.067.822	140.158.845.486
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	155.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>407.287.779.041</u>	<u>295.395.072.292</u>

Khoản tương đương tiền là tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công với mức lãi suất 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu từ khách hàng	260.573.422.282	300.776.886.615
- Công ty Pental Granite & Marble	119.765.133.945	94.869.049.440
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	68.908.383.846	-
- Công ty WK Marble & Granite Pty Ltd	1.320.947.500	175.155.304.210
- Các khoản phải thu khách hàng khác	70.578.956.991	30.752.532.965
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	205.833.404.763	177.376.415.410
TỔNG CỘNG	<u>466.406.827.045</u>	<u>478.153.302.025</u>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>(2.569.049.687)</i>	<i>(2.467.728.903)</i>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước cho người bán	14.818.248.532	12.579.213.953
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.738.017.960	5.027.688.960
TỔNG CỘNG	<u>18.556.266.492</u>	<u>17.606.902.913</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Phải thu lãi vay	12.160.499	218.827.165
Phải thu nhân viên	3.558.688.680	2.923.166.740
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico	1.508.000.000	1.508.000.000
Phải thu khác	225.168.750	259.914.189
	5.304.017.929	4.909.908.094
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG	5.334.017.929	4.939.908.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	5.334.017.929	4.698.495.989
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	241.412.105
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.745.329.249)	(1.745.329.249)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	21.200.063.052	-	36.923.516.159	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	122.980.521.148	-	162.387.381.159	-
Công cụ, dụng cụ	30.764.854.132	-	31.008.735.399	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.765.418.310	-	30.595.300.853	-
Thành phẩm	432.244.247.846	(27.485.314.709)	495.176.360.629	(33.757.598.014)
Hàng hóa	388.597.517.745	-	399.699.879.011	-
TỔNG CỘNG	1.021.552.622.233	(27.485.314.709)	1.155.791.173.210	(33.757.598.014)

Công ty sử dụng một phần hàng tồn kho được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(33.757.598.014)	(45.138.389.170)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	6.272.283.305	5.192.718.896
Số cuối kỳ (*)	(27.485.314.709)	(39.945.670.274)

(*) Đây là khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Trong kỳ, một phần khoản dự phòng đã được sử dụng do bán được một số sản phẩm đã được trích lập dự phòng vào các năm trước.

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	154.495.713.403	959.647.054.593	27.271.624.778	12.619.443.184	5.550.398.096	1.159.584.234.054
- Mua trong kỳ	-	595.000.000	-	202.184.546	-	797.184.546
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	259.125.000	-	-	-	-	259.125.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	154.754.838.403	960.242.054.593	27.271.624.778	12.821.627.730	5.550.398.096	1.160.640.543.600
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	42.466.418.812	260.721.092.172	12.525.952.731	2.374.106.508	5.550.398.096	323.637.968.319
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	77.424.826.303	472.398.594.456	17.397.277.785	6.583.893.098	5.550.398.096	579.354.989.738
- Khấu hao trong kỳ	4.421.507.517	25.752.663.250	1.147.764.310	879.121.677	-	32.201.056.754
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	81.846.333.820	498.151.257.706	18.545.042.095	7.463.014.775	5.550.398.096	611.556.046.492
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	77.070.887.100	487.248.460.137	9.874.346.993	6.035.550.086	-	580.229.244.316
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	72.908.504.583	462.090.796.887	8.726.582.683	5.358.612.955	-	549.084.497.108
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	54.212.170.816	452.737.117.086	6.059.086.268	2.486.306.580	-	515.494.680.750

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay ngắn hạn và dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	25.595.815.497	38.000.000	25.633.815.497
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong kỳ	(40.600.000)	-	(40.600.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	191.967.400	38.000.000	229.967.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.559.282.474	38.000.000	8.597.282.474
- Hao mòn trong kỳ	1.160.511.345	-	1.160.511.345
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong kỳ	(40.600.000)	-	(40.600.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	9.679.193.819	38.000.000	9.717.193.819
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.036.533.023	-	17.036.533.023
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	15.876.021.678	-	15.876.021.678
Trong đó:			
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (*)	15.066.157.489	-	15.066.157.489

(*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho một số khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 17.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Mua sắm	1.291.117.786	1.283.303.188
Xây dựng cơ bản dở dang	160.608.136.860	113.629.460.921
Sửa chữa tài sản cố định	11.201.227.248	8.158.068.284
TỔNG CỘNG	173.100.481.894	123.070.832.393
Trong đó bao gồm:		
Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên (*)	150.040.254.146	89.994.674.081
Dự án nhà máy chế biến cát thạch anh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị, công ty con của Công ty	-	16.376.274.683

(*) Đây là Dự án nhà thương mại bán cho cán bộ công nhân viên và khách hàng bên ngoài. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay cho dự án này là 2.949.038.273 đồng (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 261.429.502 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên kết	2.044.800	36.349.359.662	2.044.800	35.207.382.225
TỔNG CỘNG	2.044.800	36.349.359.662	2.044.800	35.207.382.225

Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	31,40%	31,40%

Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0303000640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 13 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 12 tháng 6 năm 2014. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là gia công, chế tác và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam là 31,4%.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	35.207.382.225
Phần lãi trong công ty liên kết	1.641.869.973
Giảm do biến động của vốn chủ sở hữu nhưng không phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	(499.892.536)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	36.349.359.662

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.035.559.411	1.810.725.990
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.589.227	1.028.043.767
	1.343.148.638	2.838.769.757
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	7.349.091.728	7.486.457.929
Công cụ, dụng cụ	2.859.220.648	3.604.206.047
Chi phí làm đường	447.092.915	690.961.778
Chi phí sửa chữa TSCĐ	369.872.983	544.731.650
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.369.277.277	2.652.646.526
	14.394.555.551	14.979.003.930

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 31.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Sibelco Benelux Ltd.	14.515.877.368	14.515.877.368	1.786.579.614	1.786.579.614
- SHCP Pte, Ltd.	13.068.900.000	13.068.900.000	17.017.560.000	17.017.560.000
- Eternal Materials Co., Ltd.	-	-	15.450.864.000	15.450.864.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	60.235.597.230	60.235.597.230	94.122.967.978	94.122.967.978
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	12.817.302.237	12.817.302.237	4.900.939.101	4.900.939.101
TỔNG CỘNG	100.637.676.835	100.637.676.835	133.278.910.693	133.278.910.693
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thuế nhập khẩu	8.623.449.997	9.877.336.424	(15.313.743.838)	3.187.042.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1)	24.414.290.759	61.780.492.794	(56.654.561.772)	29.540.221.781
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước khác	2.293.263.703	35.782.614.068	(36.918.299.680)	1.157.578.091
TỔNG CỘNG	35.331.004.459	107.440.443.286	(108.886.605.290)	33.884.842.455

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Bảo hiểm xã hội	223.308.611	341.217.964
Cổ tức phải trả	126.166.625	84.867.160.125
Kinh phí công đoàn	90.459.600	135.509.064
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8.106.981	47.757.285
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.200.000	32.608.448
TỔNG CỘNG	455.241.817	85.424.252.886
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	455.241.817	23.949.610.886
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	61.474.642.000

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng ngắn hạn	1.178.560.448.863	1.178.560.448.863	830.242.368.190	922.812.709.564	1.085.990.107.489	1.085.990.107.489	
Vay ngân hàng dài hạn	324.227.719.567	324.227.719.567	29.158.919.283	55.160.051.293	298.226.587.557	298.226.587.557	
TỔNG CỘNG	1.502.788.168.430	1.502.788.168.430	859.401.287.473	977.972.760.857	1.384.216.695.046	1.384.216.695.046	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	218.201.750.078	9.765.126	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Hà Nội	158.648.069.353	7.096.760	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	129.359.275.839	5.790.478	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	117.242.997.421	5.246.946	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	96.440.670.301	4.315.984	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công – Vay VND	89.233.926.215	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long – Vay VND	66.185.284.973	-	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	46.925.946.238	2.099.595	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	34.151.376.853	1.528.026	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 1 năm 2017
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh sở giao dịch	25.422.465.125	1.137.725	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 2 năm 2017
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	5.294.845.093	236.800	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 3 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	96.083.500.000	4.300.000	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 6 năm 2017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính - Khoản vay dài hạn đến hạn trả - Vay VND	2.800.000.000	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 6 năm 2017
TỔNG CỘNG	1.085.990.107.489	41.517.440	

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính	219.789.005.926	9.836.160	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Hội sở chính – Vay VND	5.773.397.512	-	Lãi và gốc vay trả hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2019
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất – Vay VND	72.664.184.119	-	Lãi được trả hàng quý từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 4 năm 2020, gốc vay được trả toàn bộ vào tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	298.226.587.557	9.836.160	

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	10.847.183.801	10.936.183.801
Trích quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 19.1)	21.476.565.360	13.092.789.086
Sử dụng quỹ trong kỳ	(9.104.639.733)	(10.628.403.375)
Số cuối kỳ	23.219.109.428	13.400.569.512

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	74.206.955.556	228.935.077.307	785.567.368.348
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.231.240.553	(12.231.240.553)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(13.092.789.086)	(13.092.789.086)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	157.505.194.267	157.505.194.267
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(84.798.902.000)	(84.798.902.000)
- Biến động khác	-	-	-	1.181.981.332	(1.727.288.459)	(545.307.127)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	87.620.177.441	274.590.051.476	844.635.564.402
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	87.620.177.441	428.316.803.594	998.362.316.520
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	22.879.853.305	(22.879.853.305)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(21.476.565.360)	(21.476.565.360)
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(84.798.902.000)	(84.798.902.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	297.582.432.537	297.582.432.537
- Biến động khác	-	-	-	484.273.085	(898.198.803)	(413.925.718)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	529.992.510.000	60.800.000	-	63.356.329.316	595.845.716.663	1.189.255.355.979

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS [tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Công ty đã chia 10.599.800 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu trích từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016, Nghị quyết số 09/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 11 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(**) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 và Nghị quyết số 11/2016 NQ/VCS-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn góp cổ đông	529.992.510.000	52.999.251	529.992.510.000	52.999.251
Vốn góp của Công ty Cổ phần Phương Hoàng Xanh A&A, công ty mẹ	384.185.770.000	38.418.577	307.373.210.000	30.737.321
Vốn góp của các đối tượng khác	145.806.740.000	14.580.674	222.619.300.000	22.261.930
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	322.060.800.000	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(369.627.974.515)	(10.599.800)
TỔNG CỘNG	530.053.310.000	52.999.251	482.425.335.485	42.399.451

19.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức đã công bố trong kỳ	84.798.902.000	84.798.902.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	84.798.902.000	84.798.902.000
Tạm chia cổ tức cho năm 2016 (VND 2.000/cổ phiếu)	84.798.902.000	-
Tạm ứng cổ tức trong năm 2015 (VND 2.000/cổ phiếu)	-	84.798.902.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2016		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu đã phát hành	52.999.251	52.999.251
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>52.999.251</i>	<i>52.999.251</i>
Cổ phiếu phổ thông	52.999.251	52.999.251
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	(10.599.800)
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>-</i>	<i>(10.599.800)</i>
Cổ phiếu phổ thông	-	(10.599.800)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	52.999.251	42.399.451
Cổ phiếu phổ thông	52.999.251	42.399.451
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2015: VND 10.000).

20. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

*Công ty Cổ phần
Khoáng sản Vico
Quảng Trị*

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	229.003.281
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	229.003.281

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	229.003.281
- Giảm do chuyển nhượng công ty con trong kỳ	(229.003.281)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	15.224.787	5.195.283
- Euro (EUR)	684.016	505.614

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng doanh thu	1.453.200.279.026	1.166.023.023.470
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.453.200.279.026	1.166.023.023.470
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-
Doanh thu thuần	1.453.200.279.026	1.166.023.023.470

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	Đơn vị tính: VND
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	945.900.451	8.875.492.349
Cổ tức được chia	1.226.880.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.735.829.758	5.626.848.833
TỔNG CỘNG	14.908.610.209	14.502.341.182

Công ty Cổ phần Đá thạch anh cấp VCS
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Vicostone]

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn đá thành phẩm đã bán	809.191.755.459	658.113.439.014
Giá vốn hàng hóa đã bán	221.631.219.857	186.351.227.342
Thu nhập từ hoàn thuế nhập khẩu	(6.416.503.471)	(7.964.321.544)
Giá vốn khác	(101.003.531)	-
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.272.283.305)	(5.192.718.896)
TỔNG CỘNG	<u>1.018.033.185.009</u>	<u>831.307.625.916</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	26.773.502.839	44.530.156.643
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.146.252.058	42.537.892.556
TỔNG CỘNG	<u>29.919.754.897</u>	<u>87.068.049.199</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	27.901.510.127	24.803.848.135
- Chi phí đóng hàng	2.688.432.361	2.919.926.331
- Chi phí lương	1.556.894.891	1.196.319.368
- Chi phí bán hàng khác	5.762.893.638	6.239.326.839
TỔNG CỘNG	<u>37.909.731.017</u>	<u>35.159.420.673</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí lương quản lý	12.328.423.646	12.841.876.365
- Chi phí khấu hao	4.080.182.962	4.158.040.243
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.505.499.660	10.342.504.475
TỔNG CỘNG	<u>24.914.106.268</u>	<u>27.342.421.083</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	890.349.734.587	869.798.854.670
Chi phí nhân công	42.510.394.998	39.367.623.096
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	33.285.029.477	34.458.453.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.548.458.975	46.561.249.797
Chi phí khác	6.673.692.236	7.564.079.955
TỔNG CỘNG	1.019.367.310.273	997.750.260.994

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với Công ty mẹ:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán thành phẩm của nhà máy 1:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong kỳ là 15% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán thành phẩm của nhà máy 2 và hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ các hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với công ty con:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.780.492.794	24.288.363.882
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của năm trước	-	11.576.277.464
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(20.919.607)	(4.101.398)
TỔNG CỘNG	<u>61.759.573.187</u>	<u>35.860.539.948</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	359.342.005.724	193.365.734.215
Các điều chỉnh (giảm)/tăng lợi nhuận theo kế toán	(1.176.233.785)	8.295.519.147
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	1.553.052.145	9.829.072.797
Khoản phạt nộp chậm thuế	3.295.272	8.677.211.477
Các khoản chi phí không hợp lệ	353.333.291	161.365.641
Các khoản khác	1.196.423.582	990.495.679
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(2.729.285.930)	(1.533.553.650)
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(1.502.405.930)	(1.533.553.650)
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	(1.226.880.000)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	<u>358.165.771.939</u>	<u>201.661.253.362</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	<u>358.165.771.939</u>	<u>201.661.253.362</u>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	61.780.492.794	24.288.363.882
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	24.414.290.759	11.990.547.160
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của các năm trước	-	11.576.277.464
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(56.654.561.772)	(32.067.579.235)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u>29.540.221.781</u>	<u>15.787.609.271</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	23.038.550	2.118.943	(20.919.607)	(4.101.398)
	23.038.550	2.118.943	(20.919.607)	(4.101.398)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

28.1. Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	249.445.474.181	1.203.754.804.845	1.453.200.279.026
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	249.445.474.181	1.203.754.804.845	1.453.200.279.026
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.845.249.988	413.551.412.790	422.396.662.778
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(12.770.431.239)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	435.167.094.017
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(75.825.088.293)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	359.342.005.724
Chi phí thuế TNDN	-	-	(61.780.492.794)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	20.919.607
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	297.582.432.537
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	3.846.464.710	459.991.312.648	463.837.777.358
Tài sản không phân bổ	-	-	2.279.098.308.720
Tổng tài sản	-	-	2.742.936.086.078
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.553.680.730.099
Tổng nợ phải trả	-	-	1.553.680.730.099
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	1.056.309.546
Khấu hao	-	-	33.361.568.099
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	213.577.933.881	952.445.089.589	1.166.023.023.470
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	213.577.933.881	952.445.089.589	1.166.023.023.470
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.260.682.137	309.949.512.254	312.210.194.391
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(22.505.203.163)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	334.715.397.554
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(141.349.663.339)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	193.365.734.215
Chi phí thuế TNDN	-	-	(35.864.641.346)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	4.101.398
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	157.505.194.267
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	63.451.229.268	453.652.465.541	517.103.694.809
Tài sản không phân bổ	-	-	2.160.518.997.383
Tổng tài sản	-	-	2.677.622.692.192
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.832.758.124.509
Tổng nợ phải trả	-	-	1.832.758.124.509
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	-	-	3.630.088.396
Khấu hao	-	-	34.476.390.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	314.947.882.779	363.272.418.177
		Doanh thu bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	126.701.170.976	183.405.895.059
		Thu hồi đầu tư cho vay ngắn hạn		- 297.923.811.796
		Lãi vay phải thu		- 8.379.774.789
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Doanh thu thành phẩm, vật tư	164.736.551.319	129.566.336.827
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu thành phẩm	30.992.516.184	30.121.985.112
		Mua vật tư, thành phẩm	53.346.679.510	29.814.257.693
		Cổ tức thu trực tiếp từ Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	1.224.144.000	-
		Cổ tức thu qua Trung tâm lưu ký chứng khoán	2.736.000	-
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Doanh thu thành phẩm	91.522.374.917	-
		Mua hàng hóa	76.176.082.858	-
		Trả cổ tức	122.949.284.000	122.949.284.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	20.161.496.737	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá niêm yết thông thường, mức giá này được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ khoản phải thu về cho vay ngắn hạn) và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 6.1 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Mối quan hệ</i>			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	205.833.404.763	177.376.415.410
			205.833.404.763	177.376.415.410
<i>Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng đầu tư XDCB	3.685.760.960	4.975.431.960
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Công nghệ Sitech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền dịch vụ	52.257.000	52.257.000
			3.738.017.960	5.027.688.960
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Khoáng sản Vico Quảng Trị	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)	Cho vay ngắn hạn	50.129.329	-
			50.129.329	-

Phải thu về cho vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, có kỳ hạn dưới 1 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải thu khác	- 34.745.439
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu lãi vay	- 206.666.666
			- 241.412.105

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 14)

Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về mua đá thành phẩm	7.950.601.324	4.120.975.133
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả tiền mua hàng	3.521.293.166	-
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua hàng	1.057.795.200	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	287.612.547	31.740.638
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả mua tài sản cố định		748.223.330
			12.817.302.237	4.900.939.101

Phải trả khác các bên liên quan (Thuyết minh số 16)

Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Cổ tức phải trả	-	61.474.642.000
			-	61.474.642.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	4.934.889.655	4.383.219.062
TỔNG CỘNG	4.934.889.655	4.383.219.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	297.582.432.537	157.505.194.267
Dự kiến trích quỹ khen, thưởng phúc lợi (*)	(25.165.024.095)	(13.257.240.834)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	272.417.408.442	144.247.953.433
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.331.302	42.399.451
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.331.302	42.399.451
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	6.287	3.402
- Lãi suy giảm	6.287	3.402

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối. Dự trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 căn cứ theo Nghị quyết số 01/2016/NQ/VCS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty và công ty con hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 - 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.375.214.975	2.488.320.450
TỔNG CỘNG	<u>3.506.269.725</u>	<u>3.619.375.200</u>

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty nhận bàn giao thực địa (đất có hạ tầng) theo quy định của hợp đồng này.

Kiến tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapiaientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Hồ Xuân Năng

Ngày 5 tháng 8 năm 2016